

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày 17-01-2022.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thào A Chư.

2. Bà Hoàng Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Chổng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/HSST ngày 23 tháng 11 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST-QĐ ngày 06/01/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Kiên C**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09/02/1988 tại huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: TK2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Đinh Quang H, sinh năm 1958 và bà Cầm Thị K, sinh năm 1964, hiện nay đều cư trú tại T1, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; Bị cáo có vợ Lù Thị P (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn nhất 11 tuổi, con nhỏ nhất 05 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 03/6/2021 đến nay. Có mặt.

Người bị hại:

Ông Lừ Văn V, sinh năm 1952; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do.

Ông Thào A V, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tk1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Thào A D, sinh năm 1963; Địa chỉ: Bản L, xã L, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bà Cầm Thị K, sinh năm 1964; Địa chỉ: T1, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người làm chứng:

Ông Lữ Văn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; Có mặt.

Chị Giàng Thị D, sinh năm 1986; Địa chỉ: T1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đình Kiên C là cán bộ tín dụng Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (CSXH) huyện B, có nhiệm vụ đơn đốc thu hồi nợ gốc khi đến hạn và đơn đốc thu lãi hàng tháng, không có trách nhiệm trực tiếp thu nợ gốc, thu lãi bằng tiền mặt của các hộ vay vốn để nộp vào ngân hàng. Quá trình công tác C đã lợi dụng trách nhiệm công việc với cương vị công tác thực hiện vượt quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản (tiền vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B) 02 lần, cụ thể:

- **Lần thứ nhất:** Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 26/4/2019, Đình Kiên C đang ngồi một mình tại phòng làm việc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B thì có ông Lữ Văn V là người vay vốn của Ngân hàng, đến thanh toán khoản vay của mình trước hạn số tiền là 30.000.000 đồng. Do muốn chiếm đoạt số tiền của ông V nên C bảo ông V đưa số tiền 30.000.000 đồng cho C đếm. Sau khi đếm đủ, C xem trên hệ thống máy tính bảo ông V phải trả thêm tiền lãi của khoản vay đến tháng 05/2019 là 1.080.000 đồng. Ông V đưa tiếp cho C 1.080.000 đồng. Tổng cộng C trực tiếp tiếp nhận của ông V số tiền 31.080.000 đồng. Ông V hỏi C cho xin biên lai thu tiền thì C bảo ông V đi về nhà trước, do không phải là ngày giao dịch nên chưa có biên lai, hẹn đến ngày 16/5/2019 C xuống điểm giao dịch ở xã T mới đưa biên lai thu tiền cho ông V, ông V đồng ý rồi đi về nhà. Do đi làm thuê tại tỉnh Quảng Ninh nên ông V có nhờ ông Lữ Văn T là tổ trưởng tổ vay vốn của ông V lấy hộ biên lai thu tiền với C. Ngày 16/5/2019, tại điểm giao dịch ở xã T ông T gặp C hỏi lấy biên lai thu tiền giúp ông V thì C nói máy tính hỏng nên chưa in được. Các tháng sau do không thấy ai thu lãi khoản vay nên ông V tin tưởng việc mình đã thanh toán khoản vay vào ngân hàng là xong. Đến ngày 16/9/2020, ông V nhận được thông báo của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Bắc Yên về khoản vay của mình tại Ngân hàng CSXH vẫn chưa được tắt toán. Ông V đến Ngân hàng CSXH huyện B tìm gặp C để hỏi về số tiền nói trên, nhưng không gặp được C, gọi điện thoại cho C thì không liên lạc được. Ngày 10/5/2021, ông V có đơn tố giác hành vi của Đình Kiên C chiếm đoạt số tiền 31.080.000 đồng mà ông V đã trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B.

- **Lần thứ hai:** Năm 2015, ông Thào A D vay vốn Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B, theo diện hộ cận nghèo, khoản vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay: 05 năm, ngày đến hạn: 18/12/2020, lãi suất: 0,66%/tháng. Đến cuối năm 2015 ông D không có nhu cầu sử dụng khoản vay này nữa nên cho ông Thào A V là em trai của D vay lại số tiền trên và thỏa thuận: Tiền lãi hàng tháng và nợ gốc khoản vay 20.000.000 đồng trên ông V có trách nhiệm trả. Do biết ông D cho ông V vay khoản tiền trên, Đình Kiên C muốn chiếm đoạt số tiền này nên tháng

11/2019 C gọi điện cho ông V yêu cầu thanh toán khoản vay 20.000.000 đồng trên. Trong tháng 11/2019, ông V đã đưa tiền cho vợ của mình là chị Giàng Thị D đến trụ sở Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B gặp C tất toán khoản vay trên gồm 20.000.000 đồng nợ gốc và 1.600.000 đồng tiền lãi đến tháng 11/2019. Sau khi nhận tiền, C viết biên lai thu tiền ghi nội dung C đã thu đủ số tiền trên, chị D đã đưa biên lai thu tiền trên cho ông V. Sau khi nhận số tiền trên, C đã thanh toán 1.600.000 đồng tiền lãi cho khoản vay đến tháng 11/2019, còn tiền gốc 20.000.000 đồng C chiếm đoạt chi tiêu vào ăn uống, sinh hoạt của cá nhân hết.

Sau khi chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng trên, C che dấu hành vi phạm tội thông qua việc thanh toán lãi khoản vay trên từ tháng 12/2019 đến tháng 02/2020, từ tháng 03/2020, C không thanh toán tiền lãi và gốc khoản vay trên của ông Thảo A D. Do đó số tiền lãi phát sinh hàng tháng vẫn được Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B tính và ghi nợ cho ông Thảo A D. Đến cuối năm 2020, ông Thảo A D được Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thông báo khoản vay của D chưa được thanh toán, ông D nói lại nội dung trên cho ông V biết. Ông V đến Ngân hàng gặp anh Vũ Đình T – Giám đốc ngân hàng trình bày lại sự việc nhưng anh T cho biết khoản vay của ông D vẫn chưa được thanh toán vào hệ thống Ngân hàng. Đến ngày 12/04/2021, ông Thảo A V đã lấy tiền của gia đình đến Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B thanh toán tiền gốc và lãi của khoản vay tính đến tháng 04/2021 tổng cộng là 21.445.000đ. Ngày 13/08/2021 ông Thảo A V đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B gửi đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tài sản của Đình Kiên C.

Vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 plus màu đen, số máy: MRTE2VN/A, số seri: F2MWL1CTJWLM, IMEI: 354837092441440, dung lượng bộ nhớ máy 64GB, sử dụng số thuê bao 0918048688; 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 plus mặt trước màu trắng, viền hồng, mặt sau màu hồng nhạt, số máy: MQ8F2LL/A, số seri: FD2XP08UJCM1, IMEI: 356111098172534, dung lượng bộ nhớ máy 64GB, sử dụng số thuê bao 0981136957

Đối với ông Lữ Văn V, ngày 10/06/2021, đại diện gia đình bị cáo Đình Kiên C khắc phục hậu quả trả cho ông V khoản vay 30.000.000 đồng tiền gốc và 1.927.224 đồng tiền lãi đến tháng 06/2021 để ông V trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B tổng số tiền 31.927.224 đồng. Sau khi nhận tiền và đến Ngân hàng tất toán, ông V không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Đối với Thảo A D cho Thảo A V vay số tiền 20.000.000 đồng và thỏa thuận V có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện B, xét thấy đây là giao dịch dân sự nên không đề cập vấn đề xử lý đối với D.

Đối với ông Thảo A V yêu cầu bị can Đình Kiên C bồi thường số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc và 1.445.000 đồng tiền lãi hàng tháng mà ông Thảo A V phải trả cho Ngân hàng, là thiệt hại do Đình Kiên C chiếm đoạt, gia đình bị cáo Đình Kiên C đã bồi thường đầy đủ số tiền cho ông Thảo A V, ông Thảo A V không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với đại diện Ngân hàng CSXH huyện Bắc Yên, ông Vũ Đình T – Giám đốc Ngân hàng CSXH huyện B, hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng đến uy tín của Ngân hàng, tuy nhiên không gây thiệt hại về tài sản cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng CSXH không yêu cầu bị can bồi thường thiệt hại về uy tín của Ngân hàng và ông Vũ Đình T không biết việc Đình Kiên C lợi dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chiếm đoạt số tiền 31.080.000 đồng của ông Lữ Văn V và chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của ông Thào A V, do đó không đề cập đến việc xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, bị cáo Đình Kiên C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đình Kiên C đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đình Kiên C từ 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù đến 06 (sáu) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 phong bì do Công an huyện B phát hành. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 Plus màu đen, số máy: MRTE2VN/A, số Seri: F2MWL1CTJWLM, IMEI: 354837092441440, sử dụng số thuê bao 0918048688. Trả lại cho bị cáo Đình Kiên C 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 Plus mặt trước màu trắng, viền hồng, mặt sau màu hồng nhạt, số máy: MQ8F2LL/A, số Seri: FD2XP08UJCM1, IMEI: 356111098172534, dung lượng bộ nhớ máy 64GB, sử dụng số thuê bao 0981136957.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận gia đình bị cáo Đình Kiên C khắc phục hậu quả trả cho ông V khoản vay 30.000.000 đồng tiền gốc và 1.927.224 đồng tiền lãi đến tháng 06/2021 tổng số tiền 31.927.224 đồng. Gia đình bị cáo Đình Kiên C đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho ông Thào A V số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc và 1.445.000 đồng tiền lãi hàng tháng mà ông Thào A V phải trả cho Ngân hàng, tổng số tiền là 21.445.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo Đình Kiên C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Đình Kiên C tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại và người liên quan. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại ông Thào A V trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, gia đình Đinh Kiên C đã tự nguyện thỏa thuận cho tôi tổng số tiền là 21.445.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Thào A D tranh luận: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, người bị hại là ông Lữ Văn V vắng mặt không có lý do, ông V vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Phiên tòa xét xử vắng mặt ông Lữ Văn V đảm bảo theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Kiên C, có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 26/4/2019, bị cáo Đinh Kiên C là người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền cả gốc và lãi 31.080.000 đồng của ông Lữ Văn V là tiền vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B khi ông V mang trả cả gốc và lãi cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B. Đến tháng 11/2019, Đinh Kiên C tiếp tục thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của ông Thào A D vay của Ngân hàng cho ông Thào A V vay khi ông V mang trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, nhằm mục đích sử dụng nhu cầu cá nhân.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Đinh Kiên C đã thực hiện hành vi phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, tội danh quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm c khoản 2 Điều 355 quy định Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới

2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 13 năm:

a)

.....

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

.....

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ hiểu biết để nhận thức được hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và bản thân nhưng vì ăn chơi, đua đòi, háms lợi bất chính nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, vì sau khi phạm tội gia đình và bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Do đó, bị cáo được áp dụng quy định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của bị cáo. Việc cách ly bị cáo một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm dăn đe, giáo dục chung, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, đang sống chung với bố mẹ, không có tài sản riêng có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông Lữ Văn V số tiền là 31.927.224 đồng. Đối với người bị hại ông Thào A V yêu cầu bị cáo Đinh Kiên C phải bồi thường cho 21.445.000 đồng là số tiền gốc và lãi hàng tháng ông Thào A V phải trả cho Ngân hàng CSXH huyện B, gia đình bị cáo và ông Thào A V đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường, ông Thào A V không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Xét yêu cầu của người bị hại là có cơ sở, cần chấp nhận.

[9] Về vật chứng vụ án: Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì do Công an huyện B phát hành. 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 Plus màu đen, số máy: MRTE2VN/A, số Seri: F2MWL1CTJWLM, IMEI: 354837092441440, sử dụng số thuê bao 0918048688 là của bị cáo dùng thực hiện phạm tội. Tòa cần xem xét tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 Plus mặt trước màu trắng, viền hồng, mặt sau màu hồng nhạt, số máy: MQ8F2LL/A, số Seri: FD2XP08UJCM1, IMEI: 356111098172534, dung lượng bộ nhớ máy 64GB, sử dụng số thuê bao 0981136957.

[10] Về án phí: Bị cáo Đinh Kiên C không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 355; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Đinh Kiên C phạm tội: “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Đinh Kiên C 05 (Năm) 09 (Chín) tháng tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thụ hình tính từ ngày 03/6/2021 là ngày bị bắt tạm giam giữ đối với bị cáo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đinh Kiên C.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì do Công an huyện B phát hành;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 Plus màu đen;

- Trả lại cho bị cáo Đinh Kiên C 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 8 Plus mặt trước màu trắng, viền hồng, mặt sau màu hồng nhạt.

(Chi tiết theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án giữa Công an huyện Bắc Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 26/11/2021).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, chấp nhận gia đình bị cáo Đinh Kiên C đã bồi thường cho ông Lữ Văn V số tiền 31.927.224 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng) và gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho ông Thào A V tổng số tiền là 21.445.000 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm bốn mươi năm nghìn đồng).

4. Về Án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Đinh Kiên C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, gửi bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND, CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Cầm Ngọc Thương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thào A Chư

Hoàng Thị Quyên

Cầm Ngọc Thương